

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN GIA LÂM  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**  
Số: 182/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 18/5/2022  
V/v “Xin ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LÂM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Tạ Thị Ngân.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lương Văn Thoại;  
Bà Nguyễn Thị Dung;

*Thư ký phiên tòa:* Bà Hoàng Huyền Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Ánh Tuyết – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 71/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2022 theo Quyết định đưa ra xét xử số 29/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Chu Thị Bích T, sinh năm 1994; ĐKKHKT: Thôn Q, xã D, huyện G, thành phố H.

Tạm trú: Thôn B, xã T, huyện V, tỉnh H; Có mặt.

*Bị đơn:* Nguyễn Mạnh K, sinh năm 1991; Trú tại: Thôn Q, xã D, huyện G, thành phố H; Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***\* Theo đơn xin ly hôn và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là chị Chu Thị Bích T trình bày:***

*Về quan hệ hôn nhân:* Chị Chu Thị Bích T và anh Nguyễn Mạnh K, sinh năm 1991; Trú tại: Thôn Q, xã D, huyện G, thành phố H kết hôn trên cơ sở tự

nguyên, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện G, thành phố H ngày 22/02/2013.

Sau khi kết hôn, chị T và anh K chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cách sống không hợp nhau. Anh K có những khoản nợ cá nhân, thường xuyên bị chủ nợ đến đòi, nên cuộc sống hôn nhân của vợ chồng thường xuyên căng thẳng mệt mỏi. Chị T đã cố gắng nhiều lần hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng anh K không thay đổi bản thân để giữ gìn hạnh phúc gia đình. Đến tháng 02/2022 thì mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng, chị T đã đưa hai con ra ngoài thuê trọ để ở, không sống cùng anh K ở thôn Quang Trung, xã D, Gia Lâm, Hà Nội nữa. Vợ chồng cắt đứt quan hệ sinh lý với nhau từ tháng 02/2022 đến nay. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nữa. Chị T giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh K.

*Về con chung:* Chị T và anh K có 02 con chung là cháu Nguyễn Yến N, sinh ngày 13/02/2013 và cháu Nguyễn Hà V, sinh ngày 20/8/2015. Hiện nay cháu V và cháu N đang ở với chị T tại nhà thuê, địa chỉ: xã T, huyện V, tỉnh H. Khi ly hôn, nguyện vọng của chị T là được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai con. Chị T không yêu cầu anh K đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Chị T hiện đang làm việc tại Công ty cổ phần Acecook Việt Nam, ở Như Quỳnh, V, H, thu nhập bình quân 11.000.000 đồng/ mỗi tháng. Chị T thấy có đủ điều kiện về thu nhập, thời gian và chỗ ở để nuôi con, ngoài ra chị T cũng được bố mẹ đẻ của chị T hỗ trợ về kinh tế và chăm sóc, đưa đón con đi học giúp chị T.

*Về tài sản chung:* Chị T và anh K tự thỏa thuận, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về nợ chung vợ chồng:* Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài những yêu cầu trên, chị T không còn yêu cầu, đề nghị gì khác.

\* Bị đơn là anh Nguyễn Mạnh K vắng mặt tại phiên tòa. Quá trình giải quyết vụ án anh K không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, không trình bày quan điểm, ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

\* Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâm phát biểu quan điểm về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự và quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về thẩm quyền: Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm đã thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định.

- Thẩm phán lập hồ sơ, thu thập chứng cứ, tiến hành giao các văn bản tố tụng trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tiến hành trình tự, thủ tục tại phiên toà đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng tại phiên toà đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Bị đơn không đến Tòa theo triệu tập của Tòa án nên được coi là không chấp hành đủ các quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của chị T đối với anh K, xử cho chị T được ly hôn với anh K.

+ Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cả hai con chung là cháu Nguyễn Yến N, sinh ngày 13/02/2013 và cháu Nguyễn Hà V, sinh ngày 20/8/2015 cho chị T là mẹ được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc. Đề nghị Hội đồng xét xử tạm hoãn việc đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con của anh K đối với cháu N và cháu V đến khi cháu N, cháu V trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có yêu cầu mới.

+ Về tài sản chung vợ chồng: Do chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị xem xét.

+ Về án phí: Vụ án được thụ lý ngày 10/3/2022, nên về án phí cần áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Do bị đơn cư trú tại xã D, huyện G, thành phố H, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội là đúng thẩm quyền.

Nguyên đơn là chị Chu Thị Bích T chấp hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Bị đơn là anh Nguyễn Mạnh K quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh Nguyễn Mạnh K đến Tòa án để tham gia tố tụng nhiều lần, nhưng anh K đều vắng mặt không có lý do, không trình bày quan điểm, ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ khoản 2 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội

đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định của pháp luật.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:*

Chị Chu Thị Bích T, sinh năm 1993 và anh Nguyễn Mạnh K, sinh năm 1995 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện G, thành phố H ngày 22/02/2013. Như vậy, quan hệ hôn nhân của chị T và anh K là hôn nhân hợp pháp.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Qua lời trình bày của chị T và của bà Nguyễn Thị Hoan là mẹ đẻ của anh K cũng như chính quyền địa phương, Hội đồng xét xử thấy vợ chồng chị T và anh K chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, chồng thường xuyên cãi vã, to tiếng. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cách sống, và do anh K Nợ nần, thiếu trách nhiệm với gia đình. Đến đầu năm 2022 thì mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng, vợ chồng sống ly thân từ tháng 02/2022 cắt đứt quan hệ sinh lý cho đến nay. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nữa, chị T giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh K. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh K đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] *Về con chung:*

Xét điều kiện nuôi con: Kể từ thời điểm vợ chồng ly thân đến nay, chị T vẫn đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu hai con. Chị T cũng có chỗ ở và thu nhập ổn định, đồng thời cũng được sự hỗ trợ của gia đình trong việc chăm sóc hai con. Mặt khác, cháu Nguyễn Yến N và cháu Nguyễn Hà V còn nhỏ và là con gái, nên rất cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ để cháu phát triển tâm, sinh lý và thể chất, nên Hội đồng xét xử thấy cần giao cháu N và cháu V cho chị T là mẹ được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh K đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con, anh K hiện nay cũng không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên cần tạm hoãn việc đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con của anh K đối với chị T cho đến khi cháu N, cháu V trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng:* Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, khoản 4 Điều 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Chu Thị Bích T. Chị Chu Thị Bích T được ly hôn với anh Nguyễn Mạnh K.

2. Về con chung:

- Giao cháu cháu Nguyễn Yên N, sinh ngày 13/02/2013 và cháu Nguyễn Hà V, sinh ngày 20/8/2015 cho chị T được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con của anh Nguyễn Mạnh K đối với chị Chu Thị Bích T cho đến khi cháu Nguyễn Hà V và cháu Nguyễn Yên N trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có yêu cầu mới.

Không ai được ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Chị T và anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị Chu Thị Bích T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2020/0073097 ngày 10/3/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lâm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Chu Thị Bích T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Mạnh K được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Gia Lâm;
- Công an huyện Gia Lâm;
- Chi cục THADS huyện Gia Lâm;
- UBND xã/thị trấn nơi đăng ký kết hôn;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Tạ Thị Ngân**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA